



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM**

*Báo cáo tài chính*

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

*đã được soát xét*

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-30
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Lê Thái Hưng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Dương Mạnh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Lê Thành Công	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Trịnh Văn Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Xuân Biều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Thanh	Quyền Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban
Bà Lê Thị Kim Huyền	Thành viên
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.



**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2013

**TM. Ban Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Xuân Biều**



## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

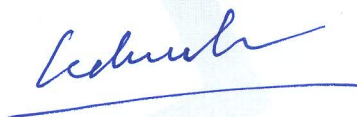
Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Quốc Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0285-2013-002-1

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2013



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>255.503.392.194</b>	<b>246.516.471.906</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	121.247.106.738	108.033.367.368
111	1. Tiền		121.247.106.738	108.033.367.368
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	85.782.168.000	84.268.208.098
121	1. Đầu tư ngắn hạn		107.647.635.073	108.122.824.048
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(21.865.467.073)	(23.854.615.950)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	44.413.357.528	48.356.460.684
131	1. Phải thu của khách hàng		2.077.801.420	33.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		977.072.507	1.053.060.848
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1.352.052.867	1.768.636.909
138	5. Các khoản phải thu khác		83.505.594.128	89.000.926.321
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.499.163.394)	(43.499.163.394)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.060.759.928	5.858.435.756
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		236.325.187	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	25.496.382
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	117.835.909	119.503.462
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	3.706.598.832	5.713.435.912
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.701.702.756</b>	<b>9.743.973.541</b>
220	II. Tài sản cố định		5.469.872.050	6.794.433.493
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.097.946.451	5.170.115.420
222	- Nguyên giá		11.158.879.879	12.093.120.842
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.060.933.428)	(6.923.005.422)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.371.925.599	1.624.318.073
228	- Nguyên giá		3.315.924.277	3.344.764.277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.943.998.678)	(1.720.446.204)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	15.000.000	15.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		15.000.000	15.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.216.830.706	2.934.540.048
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	231.191.476	240.616.322
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	2.985.639.230	2.693.923.726
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>264.205.094.950</b>	<b>256.260.445.447</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>46.126.480.391</b>	<b>39.030.468.824</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>46.126.480.391</b>	<b>39.030.468.824</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	26.162.937.426	30.512.510.432
312	2. Phải trả người bán		-	4.653.000
313	3. Người mua trả tiền trước		117.500.000	50.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	73.689.068	20.333.173
315	5. Phải trả người lao động		211.394.233	207.000.660
316	6. Chi phí phải trả	16	1.949.067.700	2.404.241.764
317	7. Phải trả nội bộ		-	88.368.600
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	17.591.764.473	5.735.664.269
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		20.127.491	7.696.926
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>218.078.614.559</b>	<b>217.229.976.623</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>218.078.614.559</b>	<b>217.229.976.623</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	341.333.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	(10.400.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	1.813.981.917
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	1.813.981.917
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(141.497.799.275)	(142.346.437.211)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>264.205.094.950</b>	<b>256.260.445.447</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		398.492.500.000	422.657.290.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		394.620.820.000	410.146.130.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		3.855.700.000	3.855.700.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		300.765.120.000	316.290.430.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		90.000.000.000	90.000.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		2.598.110.000	2.598.110.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		2.598.110.000	2.598.110.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		1.273.570.000	9.913.050.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		1.273.570.000	9.913.050.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		4.031.520.000	2.539.020.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		4.031.520.000	2.539.020.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		4.031.520.000	2.539.020.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		22.063.330.000	21.649.340.000

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Huyền Trâm

Vũ Huyền Trâm

Nguyễn Xuân Biều



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	7.686.427.262	4.540.500.216
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.195.122.523	1.158.117.901
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		34.200.000	75.948.980
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		340.568.855	171.818.182
01.9	Doanh thu khác		5.116.535.884	3.134.615.153
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	7.686.427.262	4.540.500.216
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	2.266.759.395	63.472.108.227
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		5.419.667.867	(58.931.608.011)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.579.922.288	7.098.863.949
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		839.745.579	(66.030.471.960)
31	8. Thu nhập khác		14.695.121	27.023.276
32	9. Chi phí khác		5.802.764	120.000.000
40	10. Lợi nhuận khác		8.892.357	(92.976.724)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		848.637.936	(66.123.448.684)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		848.637.936	(66.123.448.684)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	25	(1.937)

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Huyền Trâm

Vũ Huyền Trâm

Nguyễn Xuân Biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

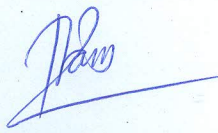
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		848.637.936	(66.123.448.684)
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.099.167.172	1.176.259.836
03	- Các khoản dự phòng		(1.989.148.877)	3.994.721.878
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.193.146.909)	20.366.445.050
06	- Chi phí lãi vay		1.796.053.420	4.148.194.352
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.438.437.258)	(36.437.827.568)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.005.015.846	41.647.719.061
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(414.000.000)	22.286.868.326
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.717.058.251	(12.044.414.482)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.506.070)	381.376.184
13	- Tiền lãi vay đã trả		(3.067.527.098)	(5.597.131.596)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.421.728.589	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(806.451.856)	(234.109.769)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.415.880.404	10.002.480.156
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.916.200.000)	(74.384.524.084)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.882.000.000	71.520.930.987
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.181.631.972	2.142.544.712
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.147.431.972	(721.048.385)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		123.555.073	3.870.009.506
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.473.128.079)	(20.271.420.233)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.349.573.006)	(16.401.410.727)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		13.213.739.370	(7.119.978.956)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		108.033.367.368	11.262.900.871
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>121.247.106.738</u>	<u>4.142.921.915</u>

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Xuân Biều

Vũ Huyền Trâm

Vũ Huyền Trâm



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
4. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(142.346.437.211)	848.637.936	-	(141.497.799.275)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18</b>	<b>217.229.976.623</b>	<b>848.637.936</b>	<b>-</b>	<b>218.078.614.559</b>

6 tháng đầu năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
4. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(78.945.756.194)	(66.123.448.684)	-	(145.069.204.878)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18</b>	<b>280.630.657.640</b>	<b>(66.123.448.684)</b>	<b>-</b>	<b>214.507.208.956</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2013

Người lập



Vũ Huyền Trâm

Kế toán trưởng



Vũ Huyền Trâm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Biểu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.



## 2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

## 2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.



### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



**2.14 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.15 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của người đầu tư	32.457.112	205.553.771.000
- Cổ phiếu	32.456.112	205.540.771.000
- Chứng chỉ quỹ	1.000	13.000.000
	<u>32.457.112</u>	<u>205.553.771.000</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	20.332.879.160	7.913.109.756
Tiền gửi ngân hàng	99.612.248.620	95.237.887.969
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	752.927.309	3.238.190.442
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	3.500	3.477
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	3.448.062	1.962.213
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	545.600.087	1.642.213.511
	<u>121.247.106.738</u>	<u>108.033.367.368</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND		VND		VND		VND		VND	
Chứng khoán thương mại	2.591.404	2.550.004	46.434.189.643	46.020.189.643	-	-	(6.951.186.643)	(7.700.237.643)	39.483.003.000	38.319.952.000
Chứng khoán niêm yết	385.070	385.070	6.739.189.643	6.739.189.643	-	-	(5.011.186.643)	(5.045.237.643)	1.728.003.000	1.693.952.000
- DXV	15.000	15.000	219.000.000	219.000.000	-	-	(174.000.000)	(160.500.000)	45.000.000	58.500.000
- ITC	3.000	3.000	75.300.000	75.300.000	-	-	(52.500.000)	(51.000.000)	22.800.000	24.300.000
- SVC	27.070	27.070	904.889.643	904.889.643	-	-	(555.686.643)	(536.737.643)	349.203.000	368.152.000
- TIG	330.000	330.000	5.511.000.000	5.511.000.000	-	-	(4.224.000.000)	(4.290.000.000)	1.287.000.000	1.221.000.000
- VIG (*)	10.000	10.000	29.000.000	29.000.000	-	-	(5.000.000)	(7.000.000)	24.000.000	22.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	2.206.334	2.164.934	39.695.000.000	39.281.000.000	-	-	(1.940.000.000)	(2.655.000.000)	37.755.000.000	36.626.000.000
- CPICT	1.200.000	1.200.000	23.400.000.000	23.400.000.000	-	-	-	-	23.400.000.000	23.400.000.000
- CPVPB	100.000	100.000	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-	(1.850.000.000)	(1.890.000.000)	850.000.000	810.000.000
- DGHDC	73.000	31.600	730.000.000	316.000.000	-	-	-	-	730.000.000	316.000.000
- DGSBC	50.000	50.000	3.465.000.000	3.465.000.000	-	-	(90.000.000)	(765.000.000)	3.375.000.000	2.700.000.000
- KSVLXDHN	783.334	783.334	9.400.000.000	9.400.000.000	-	-	-	-	9.400.000.000	9.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.705.887	1.807.887	61.213.445.430	62.102.634.405	-	-	(14.914.280.430)	(16.154.378.307)	46.299.165.000	45.948.256.098
- Ủy thác đầu tư VICS INVEST	1.671.687	1.807.887	21.659.665.430	22.548.854.405	-	-	(14.914.280.430)	(16.154.378.307)	6.745.385.000	6.394.476.098
- cổ phiếu niêm yết	17	17	594.002	594.002	-	-	(322.002)	(316.904)	272.000	277.098
+ ACB	5.000	5.000	64.351.750	64.351.750	-	-	(21.351.750)	(21.851.750)	43.000.000	42.500.000
+ CKV	41.000	41.000	806.920.075	806.920.075	-	-	(454.320.075)	(499.420.075)	352.600.000	307.500.000
+ SD9	15.000	15.000	201.600.000	201.600.000	-	-	(174.600.000)	(168.600.000)	27.000.000	33.000.000
+ SJM	1.247.870	1.247.870	15.811.570.555	15.811.570.555	-	-	(10.944.877.555)	(11.194.451.555)	4.866.693.000	4.617.119.000
+ TIG	34.000	34.000	657.545.529	657.545.529	-	-	(266.545.529)	(368.545.529)	391.000.000	289.000.000
+ VCG	328.800	430.800	2.976.571.519	3.899.960.494	-	-	(2.154.571.519)	(2.952.200.494)	822.000.000	947.760.000
+ VIG	34.200	34.200	1.140.512.000	1.106.312.000	-	-	(897.692.000)	(948.992.000)	242.820.000	157.320.000
- Ủy thác đầu tư cổ phiếu SCL	34.200	34.200	20.280.000.000	20.280.000.000	-	-	-	-	20.280.000.000	20.280.000.000
- Ủy thác đầu tư dự án ICT Tower	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ủy thác cho bà Lê Thủy Hằng	-	-	1.376.320.000	1.376.320.000	-	-	-	-	1.376.320.000	1.376.320.000
- Cho CBNV VICS vay	-	-	220.000.000	220.000.000	-	-	-	-	220.000.000	220.000.000
- Dự án Hồ Thủy Tiên - Tp. Huế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư ủy thác Công ty CP Đầu tư Thời báo Chứng khoán Việt Nam			510.000.000	510.000.000	-	-	-	-	510.000.000	510.000.000
- Đầu tư ủy thác bất động sản Thăng Long			11.167.460.000	11.167.460.000	-	-	-	-	11.167.460.000	11.167.460.000
	<u>4.297.291</u>	<u>4.357.891</u>	<u>107.647.635.073</u>	<u>108.122.824.048</u>	-	-	<u>(21.865.467.073)</u>	<u>(23.854.615.950)</u>	<u>85.782.168.000</u>	<u>84.268.208.098</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÁN HẠN**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	33.000.000	-	2.800.698.270	755.896.850	2.077.801.420	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	33.000.000	-	1.974.650.000	256.000.000	1.751.650.000	-	-
- Phải thu hoạt động khác	-	-	826.048.270	499.896.850	326.151.420	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	1.053.060.848	-	503.596.578	579.584.919	977.072.507	-	-
- Ứng trước Công ty CP VICS INVEST	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-	-
- Ứng trước Công ty Phần mềm HT2D	470.385.000	-	-	-	470.385.000	-	-
- Ứng trước cho ông Triệu Xã Luận	42.000.000	-	-	-	42.000.000	-	-
- Ứng trước cho bà Nguyễn Thị Liễu	30.000.000	-	-	-	30.000.000	-	-
- Ứng trước Công ty CP SUNTECH	90.900.000	-	-	-	90.900.000	-	-
- Ứng trước DLHC	51.786.240	-	-	-	51.786.240	-	-
- Ứng trước khác	67.989.608	-	503.596.578	279.584.919	292.001.267	-	-
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	1.768.636.909	-	20.609.322.954	21.025.906.996	1.352.052.867	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1.768.636.909	-	20.609.322.954	21.025.906.996	1.352.052.867	-	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	89.000.926.321	-	219.223.929.919	224.719.262.112	83.505.594.128	43.499.163.394	(43.499.163.394)
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	82.405.192.083	-	3.356.571.350	7.573.594.041	78.188.169.392	43.499.163.394	(43.499.163.394)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.740.648.849	-	1.625.688.850	690.784.938	3.675.552.761	-	-
- Phải thu Công ty CP Đầu tư Thăng Long	1.059.676.809	-	-	1.059.676.809	-	-	-
- Thù lao và các khoản chi hộ cho Hội đồng quản trị	389.300.000	-	-	-	389.300.000	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi quá	770.199.972	-	-	-	770.199.972	-	-
- Phải thu khác	1.635.908.608	-	214.241.669.719	215.395.206.324	482.372.003	-	-
	<b>91.855.624.078</b>	-	<b>243.137.547.721</b>	<b>247.080.650.877</b>	<b>87.912.520.922</b>	-	<b>(43.499.163.394)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	(43.499.163.394)	(66.120.063.043)
Số trích lập/hoàn nhập trong kỳ	-	39.504.441.516
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(43.499.163.394)</b>	<b>(26.615.621.527)</b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.667.553
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117.835.909	117.835.909
	<b>117.835.909</b>	<b>119.503.462</b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	3.301.915.974	3.401.760.817
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	404.682.858	2.311.675.095
	<b>3.706.598.832</b>	<b>5.713.435.912</b>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	1.101.857.877	4.310.897.380	6.680.365.585	12.093.120.842
Giảm khác <sup>(1)</sup>	(44.362.727)	(79.595.456)	(810.282.780)	(934.240.963)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.057.495.150</b>	<b>4.231.301.924</b>	<b>5.870.082.805</b>	<b>11.158.879.879</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	633.663.368	2.293.089.435	3.996.252.619	6.923.005.422
Trích khấu hao	72.185.150	274.762.093	518.077.275	865.024.518
Giảm khác <sup>(1)</sup>	(33.898.443)	(66.252.875)	(626.945.194)	(727.096.512)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>671.950.075</b>	<b>2.501.598.653</b>	<b>3.887.384.700</b>	<b>7.060.933.428</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	468.194.509	2.017.807.945	2.684.112.966	5.170.115.420
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>385.545.075</b>	<b>1.729.703.271</b>	<b>1.982.698.105</b>	<b>4.097.946.451</b>
Trong đó				
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				215.743.420

(1) Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	3.344.764.277
Giảm khác <sup>(1)</sup>	(28.840.000)
Số dư cuối kỳ	<u>3.315.924.277</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	1.720.446.204
Trích khấu hao	234.142.654
Giảm khác <sup>(1)</sup>	(10.590.180)
Số dư cuối kỳ	<u>1.943.998.678</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu năm	<u>1.624.318.073</u>
Số dư cuối kỳ	<u><u>1.371.925.599</u></u>

(1) Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Góp vốn Công ty Cổ phần VICS INVEST	15.000.000	15.000.000
	<u>15.000.000</u>	<u>15.000.000</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	240.616.322	1.244.088.999
Số tăng trong kỳ	225.394.271	39.497.800
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(234.819.117)	(764.998.587)
Số dư cuối kỳ	<u>231.191.476</u>	<u>518.588.212</u>

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	225.394.271	17.242.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.797.205	223.373.822
	<u>231.191.476</u>	<u>240.616.322</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	2.693.923.726	2.474.813.957
Tiền nộp bổ sung	-	13.210.541
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	291.715.504	205.899.228
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.985.639.230</b>	<b>2.693.923.726</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	30.512.510.432	123.555.073	(4.473.128.079)	26.162.937.426
- Đối tượng khác	30.512.510.432	123.555.073	(4.473.128.079)	26.162.937.426
	<b>30.512.510.432</b>	<b>123.555.073</b>	<b>(4.473.128.079)</b>	<b>26.162.937.426</b>

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV đầu tư và PTNN Hà Nội <sup>(1)</sup>	26.162.937.426	26.162.937.426
Công ty Cổ phần Tài nguyên Khoáng sản và BĐS Thăng Long	-	2.500.000.004
Bà Nguyễn Thị Hạnh	-	1.849.573.002
	<b>26.162.937.426</b>	<b>30.512.510.432</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(1) Vay Công ty TNHH Nhà nước MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội theo 02 hợp đồng vay sau:

1.1 Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/11/2010, phụ lục ngày 01/01/2013 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 12%/năm;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 30/06/2013: 25.000.000.000 đồng.

1.2 Hợp đồng số 18/HĐVT/VICS, phụ lục ngày 01/01/2013 với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 9.543.333.335 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 12%/năm;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 30/06/2013: 1.162.937.426 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.364.141	-
Thuế Thu nhập cá nhân	66.324.927	20.333.173
	<b>73.689.068</b>	<b>20.333.173</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	546.785.486	1.818.259.164
Trích trước chi phí thuê văn phòng	1.333.092.862	585.982.600
Trích trước chi phí khác	69.189.352	-
	<b>1.949.067.700</b>	<b>2.404.241.764</b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	568.540	598.540
Kinh phí công đoàn	23.787.943	84.753.559
Bảo hiểm xã hội	74.043.931	151.649.703
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.298.527.396	4.880.403.953
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	130.900.000
Phải trả tiền đặt cọc đấu giá cho các nhà đầu tư	15.620.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	470.211.663	382.733.514
	<b>17.591.764.473</b>	<b>5.735.664.269</b>

**18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	341.333.000.000
- Vốn góp đầu năm	341.333.000.000	341.333.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	341.333.000.000	341.333.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.133.300	34.133.300
- Cổ phiếu phổ thông	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.133.300
- Cổ phiếu phổ thông	34.133.300	34.133.300
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>19 . DOANH THU</b>		
	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>7.686.427.262</b>	<b>4.540.500.216</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.195.122.523	1.158.117.901
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	34.200.000	75.948.980
- Doanh thu hoạt động tư vấn	340.568.855	171.818.182
- Doanh thu khác	5.116.535.884	3.134.615.153
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.686.427.262</b>	<b>4.540.500.216</b>
<b>20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	104.211.498	403.705.730
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.223.388.975	52.865.723.769
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	122.088.721	113.641.490
Chi phí dự phòng	(1.989.148.877)	3.994.721.878
Chi phí khác	1.796.053.420	4.148.194.352
Chi phí trực tiếp chung	1.010.165.658	1.946.121.008
	<b>2.266.759.395</b>	<b>63.472.108.227</b>
<b>21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.304.528.396	1.901.322.829
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	91.465.554	288.310.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	859.015.026	885.816.300
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.068.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.101.918.953	3.478.844.423
Chi phí khác bằng tiền	218.994.359	540.502.224
	<b>4.579.922.288</b>	<b>7.098.863.949</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	848.637.936	(66.123.448.684)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(63.673.018.997)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(34.200.000)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(63.638.818.997)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(62.824.381.061)	(66.123.448.684)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(117.835.909)	(117.835.909)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(117.835.909)</b>	<b>(117.835.909)</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	848.637.936	(66.123.448.684)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	848.637.936	(66.123.448.684)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	34.133.300	34.133.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>25</b>	<b>(1.937)</b>

**24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	121.247.106.738	-	108.033.367.368	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	86.935.448.415	(43.499.163.394)	90.802.563.230	(43.499.163.394)
Đầu tư ngắn hạn	107.647.635.073	(21.865.467.073)	108.122.824.048	(23.854.615.950)
Đầu tư dài hạn	15.000.000	-	15.000.000	-
	<b>315.845.190.226</b>	<b>(65.364.630.467)</b>	<b>306.973.754.646</b>	<b>(67.353.779.344)</b>



	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	26.162.937.426	30.512.510.432
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	17.591.764.473	5.740.317.269
Chi phí phải trả	1.949.067.700	2.404.241.764
	<b>45.703.769.599</b>	<b>38.657.069.465</b>

Tài sản và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 30/06/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.247.106.738	-	-	121.247.106.738
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	43.436.285.021	-	-	43.436.285.021
Đầu tư ngắn hạn	85.782.168.000	-	-	85.782.168.000
Đầu tư dài hạn	-	15.000.000	-	15.000.000
	<b>250.465.559.759</b>	<b>15.000.000</b>	<b>-</b>	<b>250.480.559.759</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.033.367.368	-	-	108.033.367.368
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	47.303.399.836	-	-	47.303.399.836
Đầu tư ngắn hạn	84.268.208.098	-	-	84.268.208.098
Đầu tư dài hạn	-	15.000.000	-	15.000.000
	<b>239.604.975.302</b>	<b>15.000.000</b>	<b>-</b>	<b>239.619.975.302</b>

TRÁCH  
HÃNG  
A  
HOÀN

C  
Y  
N  
TNG  
HIỆP  
H



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 30/06/2013</b>				
Vay và nợ	26.162.937.426	-	-	26.162.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả	17.591.764.473	-	-	17.591.764.473
Chi phí phải trả	1.949.067.700	-	-	1.949.067.700
	<b>45.703.769.599</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.703.769.599</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	30.512.510.432	-	-	30.512.510.432
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả	5.740.317.269	-	-	5.740.317.269
Chi phí phải trả	2.404.241.764	-	-	2.404.241.764
	<b>38.657.069.465</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.657.069.465</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,  
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động tư vấn	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	2.195.122.523	34.200.000	340.568.855	5.116.535.884	7.686.427.262	-	7.686.427.262
Chi phí bộ phận trực tiếp	104.211.498	(765.759.902)	-	1.796.053.420	1.134.505.016	-	1.134.505.016
Chi phí không phân bổ					5.712.176.667	-	5.712.176.667
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.090.911.025</b>	<b>799.959.902</b>	<b>340.568.855</b>	<b>3.320.482.464</b>	<b>839.745.579</b>	<b>-</b>	<b>839.745.579</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.352.052.867	85.797.168.000	-	40.006.430.734	127.155.651.601	-	127.155.651.601
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	137.049.443.349	-	137.049.443.349
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.352.052.867</b>	<b>85.797.168.000</b>	<b>-</b>	<b>40.006.430.734</b>	<b>264.205.094.950</b>	<b>-</b>	<b>264.205.094.950</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	20.127.491	-	-	-	20.127.491	-	20.127.491
Nợ phải trả không phân bổ					46.106.352.900	-	46.106.352.900
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>20.127.491</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.126.480.391</b>	<b>-</b>	<b>46.126.480.391</b>

TY  
KINH  
TOÁN



27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	481.500.000	623.352.202

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Huyền Trâm

Vũ Huyền Trâm

Nguyễn Xuân Biều